TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2026
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thủy.
2. Ông Trịnh Lương Hữu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bàn Văn Sơn –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hương Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 214/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXX - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mùa Thị C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản T, xã CS, tỉnh Sơn La. Số căn cước công dân: 014180004……..248. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phàng A S, sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T, xã CS, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ - Cục C10 - Bộ Công an. Số căn cước công dân: 0140……..225. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện khởi kiện đề ngày 28/4/2026, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa bà Mùa Thị C trình bày:

Bà Mùa Thị C và ông Phàng A S sống chung tự nguyện sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Xuân, tỉnh Sơn La nay là UBND xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì ông Phàng A S bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt mức án chung thân, hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Yên Hạ - Cục C10 - Bộ Công an. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và để đảm bảo cuộc sống sau nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phàng A S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, bà Mùa Thị C và ông Phàng A S có 03 con chung là Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005 và Phàng Thị H, sinh ngày 04/01/2018. Hiện nay các cháu Phàng Thị D và Phàng A P đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng. Cháu Phàng Thị H đang sống cùng bà, nếu ly hôn bà xin được nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con do ông Sử đang chấp hành án nên bà không yêu cầu ông Phàng A S cấp dưỡng, nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải ngày 28/5/2026 tại trại giam Yên Hạ - Cục C10 - Bộ Công an bị đơn ông Phàng A S trình bày:

- Về tình cảm: Ông hoàn toàn nhất trí về phần trình bày của bà Mùa Thị C về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Nay bà Mùa Thị C có đơn xin ly hôn, hiện nay ông đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ và ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005 và Phàng Thị H, sinh ngày 04/01/2018. Hiện nay các cháu Phàng Thị D và Phàng A P đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng. Cháu Phàng Thị H hiện đang sống cùng với mẹ là bà Công, nếu ly hôn ông xin được nuôi dưỡng cháu theo quy định.

Về cấp dưỡng đề nghị giải quyết theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Mùa Thị C được ly hôn ông Phàng A S.

- Về con chung: Đối với 02 cháu Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005, nay các cháu đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Giao cháu Phàng Thị H, sinh ngày 04/01/2018 cho bà Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do bà Công chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Mùa Thị C theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Mùa Thị C và ông Phàng A S có hộ khẩu thường trú tại: Bản T, xã CS, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân khu vực 6 thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phàng A S có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt do ông đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ - Cục C10 - Bộ Công an, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà Mùa Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phàng A S, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Sử cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Mùa Thị C và ông Phàng A S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Xuân, tỉnh Sơn La nay là xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La đúng theo quy định của pháp luật, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Phàng A S vi phạm pháp luật về tội mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt mức án chung thân và hiện chấp hành án tại trại giam Yên Hạ- Cục C10 –

Bộ Công an, nên việc bà Mùa Thị C xin ly hôn là có căn cứ theo quy định khoản 1, 2 Điều 19, các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà Mùa Thị C được ly hôn ông Phàng A S.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà Mùa Thị C và ông Phàng A S có 03 con chung là Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005 và Phàng Thị H, sinh ngày 04/01/2018.

Đối với các cháu Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005 nay cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã xây dựng gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Nay ly hôn bà Mùa Thị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Phàng Thị H, sinh ngày 04/01/2018 do ông Phàng A S hiện đang chấp hành án chung thân chưa có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con và đây cũng là nguyện vọng của cháu và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Mùa Thị C không yêu cầu ông Phàng A S cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Xét thấy nguyên đơn bà Mùa Thị C là người dân tộc thiểu số cư trú thuộc vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bà có đơn đề nghị được miễn án phí và tại phiên tòa bà đề nghị HĐXX xin được miễn án phí nên cần miễn án phí cho bà Công theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của bà Mùa Thị C. Xử cho bà Mùa Thị C được ly hôn ông Phàng A S.

2. Về con chung: Đối với các cháu Phàng Thị D, sinh ngày 01/01/2003, Phàng A P, sinh ngày 18/5/2005 nay cháu đã trưởng thành.

Giao cháu Phàng Thị H, sinh ngày 01/01/2018 cho bà Mùa Thị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng: Ông Phàng A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Mùa Thị C.

4. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết cùng vụ án.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình cho bà Mùa Thị C.

6. Về quyền kháng cáo**:** Bà Mùa Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2026). Ông Phàng A S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 6;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 6;
- UBND xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đèo Văn Quỳnh